

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
TỰ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2020	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 31

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập Đoàn Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Thọ Thắng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Hiền	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Văn Lợi	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 30 tháng 05 năm 2020)
Ông Trương Thanh Hiếu	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 30 tháng 05 năm 2020)
Ông Lưu Chí Thịnh	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 30 tháng 05 năm 2020)
Ông Lê Trọng Tú	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 30 tháng 05 năm 2020)
Ông Nguyễn Hữu Hoài Phương	Thành viên
Ông Lê Trọng Ngọc	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Diệu Trâm	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên
Ông Thái Ngọc Hùng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hà Minh Tuấn	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Bích Nghĩa	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Út	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phạm Thị Như Phương	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 08 năm 2020)
Ông Trần Thọ Thắng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 08 năm 2020)
Ông Trần Quốc Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Ngọc Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Phạm Thị Như Phượng
Tổng giám đốc

Kiên Giang, ngày 28 tháng 08 năm 2020

Số: 21.170-R/BCSX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIẾN GIANG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Kiên Giang, được lập ngày 28 tháng 08 năm 2020, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập Đoàn Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Kiên Giang chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem tiếp trang sau)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 24/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2020

Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phân ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.732.462.530.868	3.676.876.825.123
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	58.047.228.709	40.265.250.381
1. Tiền	111		53.047.228.709	40.265.250.381
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.729.632.432	1.525.323.887
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	1.729.632.432	1.525.323.887
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		943.833.550.283	941.892.809.160
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	226.426.147.846	236.278.401.413
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	123.470.638.956	99.590.897.360
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	598.769.815.999	610.856.562.905
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(4.833.052.518)	(4.833.052.518)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	2.728.852.119.444	2.683.795.848.105
1. Hàng tồn kho	141		2.728.852.119.444	2.683.795.848.105
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	4.13	-	9.397.593.590
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	4.640.651.267
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	4.756.942.323
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		553.324.313.589	473.129.345.271
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		19.496.489.559	19.951.973.819
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	19.496.489.559	19.951.973.819
II. Tài sản cố định	220		64.911.791.483	40.845.712.702
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	64.370.881.213	40.257.075.048
Nguyên giá	222		100.561.862.849	74.104.112.849
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.190.981.636)	(33.847.037.801)
2. Tài sản cố định vô hình	227		540.910.270	588.637.654
Nguyên giá	228		2.313.695.278	2.313.695.278
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.772.785.008)	(1.725.057.624)
III. Bất động sản đầu tư	230	4.10	187.401.477.273	166.552.487.273
1. Nguyên giá	231		187.401.477.273	166.552.487.273
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		74.127.514.069	42.173.598.936
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	74.127.514.069	42.173.598.936
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		199.084.031.933	194.913.907.673
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.2	206.122.575.958	201.952.451.698
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	4.2	4.469.775.200	4.469.775.200
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	4.2	(11.508.319.225)	(11.508.319.225)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.303.009.272	8.691.664.868
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		8.303.009.272	8.691.664.868
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.285.786.844.457	4.150.006.170.394

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.641.474.372.030	3.577.053.862.647
I. Nợ ngắn hạn	310		1.796.627.456.710	1.801.272.734.790
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	268.095.141.308	369.305.184.033
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	22.084.546.290	19.455.258.880
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	16.976.776.036	223.261.320
4. Phải trả người lao động	314		115.966.259.674	133.907.910.464
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	258.707.479.464	277.137.728.545
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	202.057.258.703	179.344.917.146
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	912.739.995.235	803.540.274.681
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	18.358.199.721
II. Nợ dài hạn	330		1.844.846.915.320	1.775.781.127.857
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	4.12	1.246.002.075.384	1.141.653.982.670
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.15	124.580.499.950	124.580.499.950
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.16	474.264.339.986	509.546.645.237
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		644.312.472.427	572.952.307.747
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.17	644.312.472.427	572.952.307.747
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36.402.934.646	36.402.934.646
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.379.855.057	20.388.572.038
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		87.529.682.724	16.160.801.063
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		16.160.801.063	11.363.386.828
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		71.368.881.661	4.797.414.235
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.285.786.844.457	4.150.006.170.394



Phạm Thị Như Phương
Tổng Giám đốc

Kiên Giang, ngày 28 tháng 08 năm 2020

Kha Thị Mỹ Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Diễm Thúy
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.18	456.016.056.182	465.600.271.471
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		289.769.637	4.155.923.727
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		455.726.286.545	461.444.347.744
4. Giá vốn hàng bán	11	4.19	325.313.558.319	306.077.539.550
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		130.412.728.226	155.366.808.194
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.20	978.676.515	1.673.349.868
7. Chi phí tài chính	22	4.21	11.983.688.393	23.872.680.161
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		11.983.688.393	17.911.610.916
8. Chi phí bán hàng	25	4.22	5.237.913.330	4.657.731.807
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.23	41.455.648.889	48.876.224.086
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		72.714.154.129	79.633.522.008
11. Thu nhập khác	31		4.530.748.400	2.977.631.414
12. Chi phí khác	32		365.692.728	653.009.899
13. Lợi nhuận khác	40		4.165.055.672	2.324.621.515
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		76.879.209.801	81.958.143.523
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.25	15.613.259.671	19.216.946.754
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		61.265.950.130	62.741.196.769



Phạm Thị Như Phương
Tổng Giám đốc

Kiên Giang, ngày 28 tháng 08 năm 2020

Kha Thị Mỹ Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Diễm Thúy
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		76.879.209.801	81.958.143.523
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.24	2.261.206.349	1.908.920.357
Các khoản dự phòng	03		-	5.961.069.245
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	4.20	(978.676.515)	(1.146.463.692)
Chi phí lãi vay	06	4.21	11.983.688.393	17.911.610.916
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước	08		90.145.428.028	106.593.280.349
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.910.477.467	(154.251.974.454)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		16.171.594.855	(226.605.463.101)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		18.711.497.359	369.105.200.186
Tăng giảm chi phí trả trước	12		388.655.596	15.873.634
Tiền lãi vay đã trả	14		(73.535.573.409)	(59.408.471.423)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	(5.128.524.407)	(9.743.779.157)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	17.375.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(28.133.520.301)	(17.096.905.943)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.530.035.188	8.625.135.091
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(79.260.655.133)	(8.058.272.705)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	2.400.945.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(1.729.632.432)	(2.013.770.175)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.525.323.887	1.914.254.269
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.200.000.000)	(96.074.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.010.411.515	2.197.739.868
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(76.654.552.163)	(99.633.103.288)

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.26	378.498.104.439	503.153.003.855
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.27	(304.580.689.136)	(321.149.008.525)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(10.920.000)	(58.773.235.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		73.906.495.303	123.230.759.630
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ	50		17.781.978.328	32.222.791.433
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.1	40.265.250.381	35.149.412.015
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	4.1	58.047.228.709	67.372.203.448



Phạm Thị Như Phượng
Tổng Giám đốc

Kiên Giang, ngày 28 tháng 08 năm 2020

Kha Thị Mỹ Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Diễm Thúy
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Tư Vấn Đầu Tư và Xây Dựng Kiên Giang, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56-03-000055 ngày 28 tháng 02 năm 2006 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Kiên Giang cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 12 tháng 08 năm 2020 để cập nhật vốn điều lệ của Công ty.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 197 (31/12/2019: 221).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ, thi công, phát triển bất động sản.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch; đại lý du lịch và điều hành tour du lịch;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sản phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Đại lý môi giới, đấu giá;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác, xây dựng nhà các loại;
- Chuẩn bị mặt bằng, xây dựng công trình công ích, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; và
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi, và điều hòa không khí,...

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Công ty có các công ty con và liên doanh, liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:				
Công ty CP Vật Liệu Xây Dựng CIC Kiên Giang	Số 91 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	73,0%	73,0%	73,0%
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng CIC Kiên Giang	34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	51,0%	51,0%	51,0%
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng CIC Nam Việt	Lô A16, 3-35 Khu lấn biển Tây Bắc, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	51,0%	51,0%	51,0%
Công ty CP ĐTPT Hạ Tầng Phú Quốc	Số 143 Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	56,1%	56,1%	56,1%
Công ty CP CIC Tinh Khôi	Số 90 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Vĩnh Quang, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	51,3%	51,3%	51,3%
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Thăng Anh	Lô A11C - Căn 2,3 Khu biệt thự cao cấp Seaview đường Tôn Đức Thắng, Phường Vĩnh Bảo, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	51,0%	51,0%	51,0%
Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng CIC Phú Quốc	L7-01 Khu biệt thự cao cấp Bà Kèo, Đường Trần Hưng Đạo, Khu phố 7, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	100%	100%	100%
Công ty TNHH CIC EDUCATION	Lô A16 căn 10-11 Khu đô thị mới lấn biển Tây Bắc, đường Lý Thường Kiệt nối dài, Phường Vĩnh Quang, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	100%	100%	100%
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ CIC Kiên Giang	Lô A1 - căn 9C, Trung tâm Thương mại Rạch Sỏi, đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Rạch Sỏi, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang	100%	100%	100%
Công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty CP PT Đô Thị Kiên Giang	Số 08, Mậu Thân, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang	35,2%	35,2%	35,2%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2019.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	1.760.840.734	2.500.925.668
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	51.286.387.975	37.764.324.713
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	-
Cộng	58.047.228.709	40.265.250.381

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

Đầu tư tài chính dài hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con:				
Công ty CP Vật Liệu Xây Dựng CIC Kiên Giang	24.538.645.898	-	24.538.645.898	-
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng CIC Kiên Giang	2.550.000.000	-	2.550.000.000	-
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng CIC Thăng Anh	10.200.000.000	-	10.200.000.000	-
Công ty CP ĐTPT Hạ Tầng Phú Quốc	14.642.000.000	(6.929.775.594)	14.642.000.000	(6.929.775.594)
Công ty CP CIC Tỉnh Khôi	4.421.805.800	(4.421.805.800)	4.421.805.800	(4.421.805.800)
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng CIC Nam Việt	5.100.000.000	-	5.100.000.000	-
Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng CIC Phú Quốc	142.970.124.260	(156.737.831)	140.500.000.000	(156.737.831)
Công ty TNHH CIC EDUCATION	1.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ CIC Kiên Giang	700.000.000	-	-	-
Cộng	206.122.575.958	(11.508.319.225)	201.952.451.698	(11.508.319.225)

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:

Công ty CP PT Đô Thị Kiên Giang	4.469.775.200	-	4.469.775.200	-
---------------------------------	---------------	---	---------------	---

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu hoạt động kinh doanh bất động sản	193.624.394.338	202.248.185.057
Phải thu hoạt động tư vấn	13.232.525.358	13.267.787.937
Phải thu hoạt động thi công	16.632.593.231	16.765.669.740
Phải thu hoạt động nhà hàng	1.174.797.815	1.598.582.601
Phải thu hoạt động khác	1.761.837.104	2.398.176.078
Cộng	226.426.147.846	236.278.401.413

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.28	75.667.027.231	39.729.417.170
Trả trước cho người bán:		
Nguyễn Ngọc Tiên (*)	28.000.000.000	28.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	19.803.611.725	31.861.480.190
Cộng	123.470.638.956	99.590.897.360

(*) Là khoản chuyển tiền mua biệt thự theo HĐ số: SV1A - V24/2018/GIS - HĐMBBT ngày 13 tháng 08 năm 2018 và SV1C - V16/2018/GIS - HĐMBBT ngày 13 tháng 08 năm 2018.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Các đội thi công	31.652.907.600	34.442.064.961
Phải thu thuế TNCN	6.375.981.894	5.119.830.166
Tạm ứng	40.379.636.491	61.110.159.559
Tiền sử dụng đất của các dự án	301.343.972.632	256.327.045.834
Phải thu TT Phát triển Quỹ đất về DA An Bình	670.399.518	670.399.518
Phải thu TT Phát triển Quỹ đất về DA Chợ Nông Sản	1.506.440.800	1.506.440.800
Phải thu TT Phát triển Quỹ đất về DA Nam An Hòa	4.368.634.850	5.838.519.700
Phải thu DA KDC và TĐC Nam An Hòa - Ban bồi thường giải phóng mặt bằng TP Rạch Giá	40.435.042	40.435.042
Ứng trước tiền bồi hoàn - DA Nam An Hoà	134.299.300	20.000.000.000
Ứng trước tiền bồi hoàn - DA Nam An Hoà giai đoạn 2	20.207.670.400	20.207.670.400
Ứng trước tiền bồi hoàn - DA Tuyến đường số 2	15.578.000.000	24.433.000.000
Ứng trước tiền bồi hoàn - DA Bắc Vĩnh Quang	144.571.025.000	144.571.025.000
Ứng trước tiền bồi hoàn - DA KDC tuyến đường số 1 - Vĩnh Quang	23.868.000.000	23.868.000.000
Ứng trước tiền bồi hoàn - DA Chợ Nông Sản Rạch Giá	493.092.000	493.092.000
Phải thu tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng	-	452.112.357
Phải thu tiền cổ tức, lợi nhuận được chia	681.710.000	5.624.510.000
Phải thu khác	6.897.610.472	6.152.257.568
Cộng	598.769.815.999	610.856.562.905

Dài hạn:

Phải thu góp vốn dự án không thành lập pháp nhân	19.496.489.559	19.951.973.819
---	----------------	----------------

Trong đó, phải thu khác của các bên liên quan tại ngày 30/06/2020 là 17.586.350.000 VND (tại ngày 01/01/2020 là 22.014.510.000VND) – Xem thêm mục 4.28.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	4.833.052.518	-	4.833.052.518	-

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khoản công nợ này đã quá hạn thanh toán nhiều năm nhưng chưa thu được. Công ty đã trích dự phòng 100% giá trị phải thu.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2020 VND			Tại ngày 01/01/2020 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
BQL Dự án Đầu Tư	1.626.724.803	-	> 3 năm	1.626.724.803	-	> 3 năm
Các khách hàng khác	3.206.327.715	-	> 3 năm	3.206.327.715	-	> 3 năm
Cộng	4.833.052.518	-		4.833.052.518	-	

4.7. Hàng tồn kho

Chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	71.256.641	-	69.622.573	-
Công cụ, dụng cụ	53.795.133	-	34.781.981	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.726.568.671.477	-	2.681.378.449.136	-
Thành phẩm	-	-	156.844.053	-
Hàng hóa	2.158.396.193	-	2.156.150.362	-
Cộng	2.728.852.119.444	-	2.683.795.848.105	-

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí dở dang hoạt động thi công	24.360.090.088	-	36.598.443.821	-
Chi phí dở dang dự án KDC Lán Biển Tây Bắc	1.445.209.861.086	-	1.434.169.372.541	-
Chi phí dở dang dự án KDC An Bình	155.296.365.398	-	169.682.448.747	-
Chi phí dở dang dự án Hoa Viên Nghĩa Trang Vĩnh Hằng	239.008.781.652	-	231.720.086.347	-
Chi phí SXKD dở dang dự án biệt thự Village Búng Gội	205.288.111.503	-	203.297.388.562	-
Chi phí dở dang dự án Phú Quốc River Side	130.124.150.642	-	130.069.665.136	-
Chi phí dở dang dự án KDC Nam An Hòa	301.928.564.745	-	244.572.429.393	-
Chi phí dở dang các dự án khác	225.352.746.363	-	231.268.614.589	-
Cộng	2.726.568.671.477	-	2.681.378.449.136	-

Chi phí lãi vay đã vốn hóa vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trong kỳ là 61.227.866.194 VND.

Giá trị hàng tồn kho là 2.726.568.671.477 VND đã được dùng để thế chấp, bảo đảm các khoản vay tại thời điểm cuối kỳ - Xem thêm mục 4.16.

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Chi phí đầu tư khu Bà Kèo Phú Quốc	42.272.028.936	42.173.598.936
Chi phí mua nhà Nguyễn Chí Thanh – Phú Quốc	28.596.574.727	-
Các dự án khác	3.258.910.406	-
Cộng	74.127.514.069	42.173.598.936

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2020	54.302.869.836	3.911.271.209	13.026.915.819	2.818.575.985	44.480.000	74.104.112.849
Mua trong kỳ	20.500.000.000	-	5.957.750.000	-	-	26.457.750.000
Tại ngày 30/06/2020	74.802.869.836	3.911.271.209	18.984.665.819	2.818.575.985	44.480.000	100.561.862.849
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2020	19.485.205.417	2.148.372.599	9.766.426.612	2.402.553.173	44.480.000	33.847.037.801
Khấu hao trong kỳ	1.109.524.200	403.374.024	722.853.005	108.192.606	-	2.343.943.835
Tại ngày 30/06/2020	20.594.729.617	2.551.746.623	10.489.279.617	2.510.745.779	44.480.000	36.190.981.636
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2020	34.817.664.419	1.762.898.610	3.260.489.207	416.022.812	-	40.257.075.048
Tại ngày 30/06/2020	54.208.140.219	1.359.524.586	8.495.386.202	307.830.206	-	64.370.881.213

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2020 của TSCĐ hữu hình là 12.018.513.859 VND đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.16.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 14.386.234.187 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá:

Khoản mục	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Nguyên giá:				
Quyền sử dụng đất	187.401.477.273	20.848.990.000	-	166.552.487.273
Cộng	187.401.477.273	20.848.990.000	-	166.552.487.273
Tồn thất do suy giảm giá trị:				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-
Giá trị còn lại:				
Quyền sử dụng đất	187.401.477.273			166.552.487.273
Cộng	187.401.477.273			166.552.487.273

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.28	230.439.792.169	230.439.792.169	336.631.389.855	336.631.389.855
Phải trả cho người bán khác	37.655.349.139	37.655.349.139	32.673.794.178	32.673.794.178
Cộng	268.095.141.308	268.095.141.308	369.305.184.033	369.305.184.033

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.12. Người mua trả tiền trước

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Khách hàng mảng tư vấn	9.199.710.695	10.068.015.170
Người mua trả tiền trước các dự án	12.731.443.490	9.250.370.217
Các khách hàng khác	153.392.105	136.873.493
Cộng	22.084.546.290	19.455.258.880
Dài hạn:		
Dự án Khu đô thị mới Lân Biển Tây Bắc	948.963.749.083	909.001.534.819
Dự án Seaview	7.360.111.803	7.360.111.803
Dự án Bến xe và TTTM Rạch Sỏi	14.222.225.633	15.696.055.224
Dự án KDC An Bình	24.356.494.778	23.199.057.878
Dự án KDC và tái định cư Nam An Hòa	238.766.556.627	171.887.219.732
Dự án Hoa Viên Nghĩa Trang	4.980.980.053	5.141.276.196
Các dự án khác	7.351.957.407	9.368.727.018
Cộng	1.246.002.075.384	1.141.653.982.670

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	9.778.721.218	15.277.190.439	857.817.954	4.640.651.267	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.841.675.447	15.613.259.671	5.128.524.407	4.643.059.817	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.180.307.342	4.521.002.171	3.226.812.323	113.882.506	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	188.795.122	188.795.122	-	-
Các loại thuế khác	-	176.072.029	1.382.543.751	1.429.733.042	-	223.261.320
Cộng	-	16.976.776.036	36.982.791.154	10.831.682.848	9.397.593.590	223.261.320

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Chi phí vật tư và nhân công – hoạt động tư vấn, thiết kế	2.988.647.601	3.281.323.960
Chi phí vật tư và nhân công – hoạt động thi công các dự án	236.842.377.146	254.528.887.550
Lãi vay trích trước	9.663.770.419	8.810.214.107
Lãi trái phiếu phải trả	8.980.260.274	10.192.378.904
Các khoản trích trước khác	232.424.024	324.924.024
Cộng	258.707.479.464	277.137.728.545

4.15. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Phải trả các đội thi công tiền vật tư đã ứng trước	145.239.894.163	102.481.050.456
Cổ tức, lợi nhuận phải trả (*)	50.560.957.418	70.571.877.418
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.256.407.122	6.291.989.272
Cộng	202.057.258.703	179.344.917.146
Dài hạn:		
Nhận góp vốn DA biệt thự Bà Kèo Phú Quốc	6.492.999.950	6.492.999.950
Nhận góp vốn DA biệt thự Cao cấp Búng Gội	60.000.000.000	60.000.000.000
Nhận góp vốn DA biệt thự Cao cấp Village Búng Gội	45.000.000.000	45.000.000.000
Nhận góp vốn DA biệt thự Cao cấp Riverside Village	13.087.500.000	13.087.500.000
Cộng	124.580.499.950	124.580.499.950

(*) Cổ tức, lợi nhuận phải trả tại thời điểm 30/06/2020 bao gồm: năm 2019 (50.000.000.000 VND) và các năm trước (560.957.418 VND).

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.16. Vay

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	592.347.807.920	592.347.807.920	319.899.732.591	220.818.397.456	493.266.472.785	493.266.472.785
Vay dài hạn đến hạn trả	181.192.187.315	181.192.187.315	93.880.677.099	60.012.291.680	147.323.801.896	147.323.801.896
Trái phiếu ngắn hạn	139.200.000.000	139.200.000.000	-	23.750.000.000	162.950.000.000	162.950.000.000
Cộng	912.739.995.235	912.739.995.235	413.780.409.690	304.580.689.136	803.540.274.681	803.540.274.681
Dài hạn:						
Từ 1 đến 5 năm	474.264.339.986	474.264.339.986	90.138.047.920	93.880.677.099	478.006.969.165	478.006.969.165
Trên 5 năm	-	-	-	31.539.676.072	31.539.676.072	31.539.676.072
Cộng	474.264.339.986	474.264.339.986	90.138.047.920	125.420.353.171	509.546.645.237	509.546.645.237
Tổng cộng	1.387.004.335.221	1.387.004.335.221	503.918.457.610	430.001.042.307	1.313.086.919.918	1.313.086.919.918

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn là các khoản vay ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và bổ sung vốn để thực hiện các dự án Công ty đang đầu tư. Các khoản vay này chịu lãi suất từ 7%/năm đến 12%/năm và được thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản khác – Xem thêm mục 4.7 và 4.9.

Trái phiếu được phát hành với thời gian đáo hạn là 1 năm, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và có lãi suất cố định từ 10%-11%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.17. Vốn chủ sở hữu****4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Số dư tại ngày 01/01/2019	500.000.000.000	36.402.934.646	15.296.297.535	21.363.386.828	573.062.619.009
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	62.741.196.769	62.741.196.769
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.412.368.453)	(2.412.368.453)
Bổ sung cổ tức năm 2018	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2019	500.000.000.000	36.402.934.646	15.296.297.535	71.692.215.144	623.391.447.325
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	38.929.953.672	38.929.953.672
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	5.092.274.503	(5.092.274.503)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(19.369.093.250)	(19.369.093.250)
Cổ tức năm 2019	-	-	-	(70.000.000.000)	(70.000.000.000)
Số dư tại ngày 01/01/2020	500.000.000.000	36.402.934.646	20.388.572.038	16.160.801.063	572.952.307.747
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	61.265.950.130	61.265.950.130
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(9.905.785.450)	(9.905.785.450)
Điều chỉnh cổ tức bằng tiền năm 2019 (*)	-	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Giảm khác	-	-	(8.716.981)	8.716.981	-
Số dư tại ngày 30/06/2020	500.000.000.000	36.402.934.646	20.379.855.057	87.529.682.724	644.312.472.427

(*) Điều chỉnh cổ tức chi bằng tiền năm 2019 theo số được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt vào ngày 30 tháng 05 năm 2020.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Công ty CP Đầu tư Xây dựng HUD Kiên Giang	34.506.600.000	34.506.600.000
Công ty TNHH Chứng Khoán ACB	946.820.000	23.882.920.000
Vốn góp của các cổ đông khác	464.546.580.000	441.610.480.000
Cộng	500.000.000.000	500.000.000.000

4.17.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	50.000.000	50.000.000
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

4.18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hoạt động thi công	91.215.475	15.539.556.660
Hoạt động kinh doanh bất động sản	439.782.123.718	427.639.646.789
Hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn	3.184.420.095	5.376.775.126
Hoạt động kinh doanh nhà hàng	11.662.181.768	15.054.453.259
Hoạt động khác	1.296.115.126	1.989.839.637
Cộng	456.016.056.182	465.600.271.471

4.19. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn thi công	178.218.599	14.467.843.068
Giá vốn kinh doanh bất động sản	314.035.995.490	275.106.314.320
Giá vốn cung cấp dịch vụ tư vấn	2.764.451.004	4.585.508.812
Giá vốn kinh doanh nhà hàng	7.683.416.199	11.327.352.136
Giá vốn khác	651.477.027	590.521.214
Cộng	325.313.558.319	306.077.539.550

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	275.689.030	1.516.030.268
Cổ tức, lợi nhuận được chia	702.987.485	157.319.600
Cộng	978.676.515	1.673.349.868

4.21. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	11.983.688.393	17.911.610.916
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	5.961.069.245
Cộng	11.983.688.393	23.872.680.161

4.22. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	819.760.263	805.558.373
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	168.426.083	78.059.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.249.726.984	3.774.114.344
Cộng	5.237.913.330	4.657.731.807

4.23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	29.715.649.586	25.247.221.856
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.476.424.083	1.575.017.227
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.115.181.007	1.537.484.555
Chi phí dịch vụ mua ngoài	316.725.272	491.500.362
Chi phí trợ cấp thôi việc	214.978.625	1.284.718.940
Chi phí bằng tiền khác	7.616.690.316	18.740.281.146
Cộng	41.455.648.889	48.876.224.086

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.24. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	79.441.515.431	182.091.095.020
Chi phí nhân công	53.650.993.301	88.186.253.718
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.261.206.349	1.908.920.357
Chi phí dịch vụ mua ngoài	268.267.793.393	445.785.574.726
Chi phí khác bằng tiền	13.421.236.183	49.756.350.024
Cộng	417.042.744.657	767.728.193.845

4.25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	76.879.209.801	81.958.143.523
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	559.882.728	13.939.643.417
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	(157.319.600)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	77.439.092.529	95.740.467.340
Trong đó:		
▪ Thu nhập chịu thuế suất 10%	(1.254.411.651)	(688.532.847)
▪ Thu nhập chịu thuế suất 20%	78.693.504.180	96.429.000.187
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	15.613.259.671	19.216.946.754
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	15.613.259.671	19.216.946.754

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như: chi phí không có hóa đơn, chứng từ hợp lệ; và cổ tức từ hoạt động đầu tư.

4.26. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	378.498.104.439	413.653.003.855
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	-	89.500.000.000
Cộng	378.498.104.439	503.153.003.855

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.27. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	280.830.689.136	315.499.008.525
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	23.750.000.000	5.650.000.000
Cộng	304.580.689.136	321.149.008.525

4.28. Thông tin về các bên liên quan

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty CP Vật Liệu Xây Dựng CIC Kiên Giang	Công ty con
2. Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng CIC Kiên Giang	Công ty con
3. Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng CIC Thăng Anh	Công ty con
4. Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng CIC Nam Việt	Công ty con
5. Công ty CP ĐTPT Hạ Tầng Phú Quốc	Công ty con
6. Công ty CP CIC Tỉnh Khôi	Công ty con
7. Công ty CP Xây Dựng CIC Kiên Giang	Công ty con gián tiếp
8. Công ty TNHH Đầu tư xây dựng CIC Phú Quốc	Công ty con
9. Công ty TNHH CIC EDUCATION	Công ty con
10. Công ty TNHH TM DV CIC Kiên Giang	Công ty con
11. Công ty CP PT Đô Thị Kiên Giang	Công ty liên kết
12. Công ty TNHH Kiến Trúc A.T.A	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
13. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Trả trước cho người bán:		
Công ty CP CIC Tỉnh Khôi	3.782.787.800	2.782.787.800
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng CIC Kiên Giang	1.160.000.000	4.157.857.662
Công ty CP PT Đô Thị Kiên Giang	3.901.850.000	5.134.017.000
Công ty CP Xây Dựng CIC Kiên Giang	42.917.668.633	2.205.298.038
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng CIC Nam Việt	2.064.938.405	1.097.255.142
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng CIC Thăng Anh	4.660.782.393	7.173.201.528
Công ty TNHH Kiến Trúc A.T.A	17.179.000.000	17.179.000.000
Cộng – Xem thêm mục 4.4	75.667.027.231	39.729.417.170

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu khác:		
Công ty CP Vật Liệu Xây Dựng CIC Kiên Giang	-	2.443.800.000
Công ty CP ĐTPT Hạ Tầng Phú Quốc	16.904.640.000	16.390.000.000
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng CIC Nam Việt	-	765.000.000
Công ty CP PT Đô Thị Kiên Giang	681.710.000	681.710.000
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng CIC Thăng Anh	-	1.224.000.000
Công ty CP Xây Dựng CIC Kiên Giang	-	510.000.000
Cộng – Xem thêm mục 4.5	17.586.350.000	22.014.510.000
Phải trả thương mại:		
Công ty CP Vật Liệu Xây Dựng CIC Kiên Giang	(2.232.386.302)	(786.205.635)
Công ty CP ĐTPT Hạ Tầng Phú Quốc	(66.489.437)	(66.489.437)
Công ty CP CIC Tỉnh Khôi	(25.688.453.276)	(30.922.261.383)
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng CIC Nam Việt	(34.396.936.867)	(68.515.031.825)
Công ty CP PT Đô Thị Kiên Giang	(43.673.979.364)	(37.750.454.505)
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng CIC Kiên Giang	(17.564.854.794)	(14.658.306.123)
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng CIC Thăng Anh	(39.335.818.100)	(96.127.126.464)
Công ty CP Xây Dựng CIC Kiên Giang	(67.390.874.029)	(87.805.514.483)
Cộng – Xem thêm mục 4.11	(230.349.792.169)	(336.631.389.855)
Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng hóa, dịch vụ:		
Công ty CP Vật Liệu Xây Dựng CIC Kiên Giang	8.920.246.461	24.246.627.948
Công ty CP CIC Tỉnh Khôi	16.280.174.448	43.304.535.037
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng CIC Nam Việt	18.645.906.275	43.621.959.867
Công ty CP PT Đô Thị Kiên Giang	31.676.096.361	20.323.067.905
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng CIC Kiên Giang	16.138.446.742	8.052.801.448
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Thăng Anh	56.990.291.610	21.704.861.042
Công ty CP Xây Dựng CIC Kiên Giang	96.799.080.865	96.664.596.281
Cộng	245.450.242.762	257.918.449.528

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Góp vốn:		
Công ty CP CIC Tinh Khôi	-	1.000.000.000
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng CIC Nam Việt	-	3.264.000.000
Công ty CP ĐTPT Hạ Tầng Phú Quốc	-	8.210.000.000
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Thăng Anh	-	4.100.000.000
Công Ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng CIC Phú Quốc	2.470.124.260	79.500.000.000
Công ty TNHH TM DV CIC Kiên Giang	700.000.000	-
Công ty TNHH CIC EDUCATION	1.000.000.000	-
Cộng	4.170.124.260	96.074.000.000

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Nhận cổ tức:		
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Thăng Anh	265.150.685	-
Công ty CP Vật Liệu Xây Dựng CIC Kiên Giang	488.836.800	-
Công ty CP PT Đô Thị Kiên Giang	-	157.319.600
Cộng	753.987.485	157.319.600

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao của Hội đồng quản trị	3.976.648.900	4.209.920.255
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	6.937.036.970	3.630.057.853
Cổ tức phải trả cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	-	8.753.440.800

4.29. Thu nhập Ban kiểm soát

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	678.247.189	771.205.819

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.30. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Vào tháng 07/2020, Covid-19 bùng phát trở lại tại Việt Nam nên ảnh hưởng đầy đủ của dịch bệnh vẫn chưa xác định được. Tuy nhiên, khả năng xảy ra mức độ ảnh hưởng tiêu cực của Covid-19 đến doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ kế toán tới là tùy thuộc vào thời gian diễn biến của dịch bệnh.



Phạm Thị Như Phượng
Tổng Giám đốc

Kiên Giang, ngày 28 tháng 08 năm 2020

Kha Thị Mỹ Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Diễm Thúy
Người lập